

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1584/QĐ-UBND

Đức Phố, ngày 09 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành:
Trồng đường băng xanh cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại
rừng; Địa điểm: Tiểu khu 316, 319 xã Phố Phong thị xã Đức Phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 14/05/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phố (nay thị xã Đức Phố) về việc phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2018;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số 2271/BCTĐ-SNNPTNT ngày 26/7/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán trồng đường băng xanh cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng; Địa điểm: Tiểu khu 316, 319 xã Phố Phong huyện Đức Phố (nay thị xã Đức Phố);

Căn cứ Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán trồng đường băng xanh cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng; Địa điểm: Tiểu khu 316, 319 xã Phố Phong huyện Đức Phố (nay thị xã Đức Phố);

Căn cứ Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trồng đường băng xanh cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng; Địa điểm: Tiểu khu 316, 319 xã Phố Phong huyện Đức Phố (nay thị xã Đức Phố);

Xét Tờ trình số 29/TTr-HKL ngày 28/02/2022 của Hạt Kiểm lâm thị xã Đức Phổ về việc xin phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành: trồng đường băng xanh cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng; Địa điểm: Tiểu khu 316, 319 xã Phổ Phong thị xã Đức Phổ;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - KH thị xã tại báo cáo kết quả thẩm tra số liệu quyết toán công trình hoàn thành số: 30/BC-TTQT ngày 20/ 4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Tên công trình: Trồng đường băng xanh cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng; Địa điểm: Tiểu khu 316, 319 xã Phổ Phong huyện Đức Phổ.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã.

3. Địa điểm xây dựng: xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ.

4. Thời gian khởi công: 12/12/2018- Thời gian hoàn thành: 31/12/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		2.217.307.147	1.900.400.551
1	Chi phí bồi thường, GPMB		
2	Chi phí xây dựng	1.849.599.055	1.678.398.000
3	Chi phí Quản lý dự án	55.487.972	54.330.660
4	Chi phí tư vấn	112.894.058	101.417.000
5	Chi phí khác	93.740.770	66.254.891
6	Dự phòng	105.586.055	0

2. Vốn đầu tư

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị phê duyệt quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	TỔNG SỐ	21.217.306.148	1.900.400.551	1.875.020.551	25.380.000	0
1	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	21.217.306.148	1.900.400.551	1.875.020.551	25.380.000	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư

ĐVT: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
TỔNG SỐ	1.900.400.551			
- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	1.900.400.551			
- Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản:

5. Vật tư bị tồn đọng (nếu có):

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tắt toán chi phí và vốn đầu tư công trình là:

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	1.900.400.551	
1	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	1.900.400.551	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tổng nợ phải thu: 2.937.000 đồng.

Tổng nợ phải trả: 28.317.000 đồng.

Các khoản phải thu, phải trả theo phụ lục kèm theo

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

ĐVT: đồng

TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
	Hạt Kiểm lâm thị xã Đức	1.900.400.551	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Không.

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác: Không.

Điều 4. Chánh Văn phòng thị xã; Trưởng các Phòng: Tài chính – KH, Kinh tế; Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm thị xã Đức Phổ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Phổ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận: 

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Lưu: VT.TC-KH_{Nitthanh}



CHỦ TỊCH


Vũ Minh Tâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỒ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số: 1584/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ)

Đơn vị tính: đồng

S T T	Nội dung công việc	Tên chủ nợ hoặc khách nợ	Nợ phải trả	Nợ phải thu
		Tổng cộng	28.317.000	2.937.000
1	Kiểm toán công trình	Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương	22.299.000	
2	Lập HSMT và đánh giá HSDT	Công ty TNHH MTV tư vấn và dịch vụ AFQ		2.937.000
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	Phòng Tài chính – KH thị xã	6.018.000	